

\*

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)  
Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội  
Ngày thi: 11/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,50	Bảy phẩy năm	40	Dương Văn Lành	6,75	Sáu phẩy bảy năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Đặng Thị Lịch	6,75	Sáu phẩy bảy năm
3	Ngô Đức Chính	6,00	Sáu	42	Hà Thị Hồng Linh	6,25	Sáu phẩy hai năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,00	Bảy	43	Bàn Thị Lưu	7,00	Bảy
5	Triệu Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	44	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	6,50	Sáu phẩy năm	45	Hoàng Lê Miên	8,00	Tám
7	Hoàng Kim Dung	6,50	Sáu phẩy năm	46	Bé Thị Lê Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	47	Chu Thị Nài	6,50	Sáu phẩy năm
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	48	Hoàng Thị Nết	6,75	Sáu phẩy bảy năm
10	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	49	Diêu Thị Nga	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Lê Thị Diệp	7,00	Bảy	50	Triệu Thị Nga	6,25	Sáu phẩy hai năm
12	Nông Văn Giang	7,50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Thị Nga	8,00	Tám
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	52	Hoàng Minh Nga	7,00	Bảy
14	Nông Thị Gióng	7,50	Bảy phẩy năm	53	Chu Thị Ngân	6,00	Sáu
15	Tô Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Triệu Kim Ngân		<b>Chuyển lớp</b>
16	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Nông Thị Ngân	7,00	Bảy
17	Nông Thu Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	56	Lương Thị Ngọc	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	57	Hoàng Thị Nha	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hân	8,00	Tám	58	Lương Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
20	Đặng Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Lê Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	60	Ma Thị Quyên	6,25	Sáu phẩy hai năm
22	Đào Thị Hoa	7,00	Bảy	61	Lê Đăng Tiến	6,50	Sáu phẩy năm
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	62	Bé Quang Tiến	6,75	Sáu phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Cung Lê Hoàng	7,00	Bảy	63	Vi Hữu Toàn	6,25	Sáu phẩy hai năm
25	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Hà Quốc Toàn	8,00	Tám
26	Đinh Văn Huấn	7,50	Bảy phẩy năm	65	Hoàng Thị Thanh Tuyền	8,00	Tám
27	Triệu Ngọc Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Hà Thị Tuyết	8,00	Tám
28	Phương Quốc Huy	8,00	Tám	67	Hà Văn Tuynh	6,50	Sáu phẩy năm
29	Đinh Thị Thu Huyền	8,00	Tám	68	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,00	Bảy	69	Bàn Văn Thắng	6,00	Sáu
31	Tạ Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	70	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	8,00	Tám	71	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Thúy	6,00	Sáu
34	Hoàng Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Bàn Phúc Thượng	6,00	Sáu
35	Lương Xuân Hường	8,00	Tám	74	Lương Văn Trinh	8,00	Tám
36	Nông Văn Khởi	8,00	Tám	75	Lý Ngọc Trịnh	6,00	Sáu
37	Hoàng Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Nông Thị Uyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Lương Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	77	Phạm Thị Hồng Việt	7,00	Bảy
39	Hà Hồng Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Chu Thị Yên	7,00	Bảy

Điểm 6,00: 06 điểm; Điểm 6,25: 04 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 06 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 18 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

*DHieu*

*Valup*



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa